

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Dự án Chuyển đổi nghề trong khai thác thủy sản
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản và môi trường sinh thái;

Căn cứ Quyết định số 2888/QĐ-BNNPTNT-TS ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cũ) Ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản và môi trường sinh thái;

Căn cứ Nghị quyết số 0448/NQ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh về việc thông qua nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu, đề xuất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 0402/TTr-SNNMT ngày 17 tháng 11 năm 2025 và Công văn số 5791/SNNMT-CCTSBĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Dự án “Chuyển đổi nghề trong khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng: NNMT, ĐTKT;
- Lưu: VT, NNMT (Q-05b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ ÁN

Chuyển đổi nghề trong khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG DỰ ÁN

- Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;
- Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;
- Căn cứ Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;
- Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định về một số chính sách phát triển thủy sản;
- Nghị định số 172/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 2025 của Chính phủ quy định Sửa đổi Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định về một số chính sách phát triển thủy sản;
- Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;
- Nghị định số 301/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;
- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Quyết định số 1090/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững giai đoạn 2022-2025, định hướng 2030;
- Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản và môi trường sinh thái;
- Quyết định số 2888/QĐ-BNNPTNT-TS ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cũ) Ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản và môi trường sinh thái;

- Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cũ) Hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;

- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cũ) sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

II. NỘI DUNG DỰ ÁN

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Chuyển đổi nghề trong khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
2. Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
3. Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan.
4. Sự cần thiết xây dựng dự án:

Trong những năm gần đây, ngành thủy sản đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là trữ lượng nguồn lợi thủy sản ngày càng bị suy giảm nghiêm trọng, số lượng tàu thuyền phát triển nhanh, đã vượt quá ngưỡng bền vững tối đa. Tính đến ngày 05/12/2025, toàn tỉnh Đắk Lắk có 2.556 tàu cá, và sản lượng khai thác biển hàng năm khoảng 68.000 tấn. Đối với nghề khai thác hiện nay của tỉnh, nghề câu chiếm 35,92% (918 tàu), nghề lưới kéo chiếm 4,97% (127 tàu), lưới rê chiếm 13,03% (333 tàu), lưới vây chiếm 15,26% (390 tàu), lưới chụp chiếm 0,08% (02 tàu) mảnh chiếm 27,82% (711 tàu), pha xúc chiếm 0,78% (20 tàu), lồng bẫy chiếm 0,74% (19 tàu), hậu cần chiếm 1,41% (36 tàu). Theo quy định hiện nay, một số nghề khai thác bị cấm hoạt động ở vùng ven bờ, gồm: lưới kéo (trừ lưới kéo moi/ruốc, nghề lồng xếp (lờ dây, bát quai, dón, lừ), nghề kết hợp ánh sáng (trừ nghề câu tay mực), các nghề: đáy; xăm; chân; xiệp; xích; te, xẻo kết hợp với tàu có gắn động cơ, nghề cào đáy bằng khung sắt có kết hợp với tàu, máy kéo, bơm thổi (cào lươn, cào nhuyễn thể, banh lông).

Với cường độ khai thác và số lượng tàu cá lớn, được phân bố rộng rãi trên địa bàn ven biển, gây khó khăn trong công tác quản lý, nếu không thực hiện chuyển đổi nghề cho ngư dân khai thác thủy sản ảnh hưởng lớn đến nguồn lợi thủy sản, môi trường, hệ sinh thái sang các nghề khai thác hải sản thân thiện môi trường hoặc chuyển ra ngoài lĩnh vực khai thác thì sẽ không có thời gian để nguồn lợi thủy sản phát triển theo tự nhiên, khả năng phục hồi tái tạo rất khó dẫn đến cạn kiệt nguồn lợi thủy sản. Hầu hết các hộ làm nghề khai thác thủy sản trên địa bàn là nghề truyền thống, nhiều thế hệ cha truyền con nối nên cộng đồng ngư dân khó chuyển đổi sang nghề khác; đa số các hộ ngư dân có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nguồn thu nhập thấp chủ yếu từ hoạt động khai thác để nuôi sống cả gia đình, trình độ dân trí thấp.

Việc chuyển đổi các nghề khai thác, ngăn chặn các hoạt động khai thác trái phép là việc hết sức cần thiết và quan trọng để đảm bảo sự phát triển bền vững, hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái, tạo điều kiện cân bằng nguồn lợi thủy sản bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh và phù hợp với quy định pháp luật về hoạt động khai thác thủy hải sản theo Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 10/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh

hưởng đến nguồn lợi thủy sản và môi trường sinh thái và Quyết định số 2888/QĐ-BNNPTNT-TS ngày 19/7/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cũ) về Ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản và môi trường sinh thái và theo chỉ đạo tại Thông báo số 529/TB-VPCP ngày 03/10/2025 của Văn phòng Chính phủ Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Phiên họp thứ 15 của Ban Chỉ đạo quốc gia về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); Triển khai thực hiện Kế hoạch số 095/KH-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình quốc gia Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chưa có chính sách cụ thể hỗ trợ để chuyển đổi nghề. Do đó, việc xây dựng và triển khai Dự án “Chuyển đổi nghề trong khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk” nhằm rà soát, đánh giá thực trạng điều kiện kinh tế xã hội và hiện trạng nghề khai thác thủy sản, đặc biệt là các phương tiện có hoạt động nghề, ngư cụ hạn chế hoạt động khai thác trên địa bàn tỉnh, từ đó đề xuất các sinh kế để khuyến khích ngư dân lựa chọn chuyển đổi nghề; đồng thời đề xuất các phương án hỗ trợ và các giải pháp, cơ chế chính sách khuyến khích ngư dân tích cực chuyển đổi nghề, giảm áp lực khai thác nguồn lợi thủy sản.

Việc thực hiện Dự án nhằm hướng tới hiệu quả: Giúp ngư dân phát triển các ngành nghề mới, tạo thu nhập ổn định và bền vững; nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tạo thêm cơ hội việc làm phù hợp, góp phần ổn định đời sống và trật tự xã hội vùng ven biển; giúp người lao động được đào tạo, tiếp cận tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng suất và kỹ năng nghề nghiệp; hạn chế sử dụng ngư cụ cấm, phục hồi hệ sinh thái và nguồn lợi thủy sản; góp phần bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển các loài thủy sản quý, có giá trị kinh tế cao.

PHẦN II. HIỆN TRẠNG NGHỀ KHAI THÁC THỦY SẢN VÀ NHU CẦU CHUYỂN ĐỔI NGHỀ KHAI THÁC THỦY SẢN

1. Hiện trạng nghề khai thác thủy sản

- Tổng số tàu cá: tính đến ngày 05/12/2025 trên địa bàn tỉnh có 2.556 tàu cá (1.293 tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m; 574 tàu cá có chiều dài từ 12m đến dưới 15m; 689 tàu cá có chiều dài từ 15m).

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk vẫn còn tồn tại tình trạng ngư dân sử dụng công cụ kích điện, xung điện, chất nổ, chất độc để khai thác thủy sản; nhiều phương tiện khai thác sai vùng, sai tuyến, xâm phạm khu vực cấm hoặc vùng ven bờ. Các hành vi này không chỉ vi phạm quy định pháp luật mà còn gây suy giảm nghiêm trọng nguồn lợi thủy sản, hủy hoại môi trường sinh thái biển và vùng ven bờ, ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế lâu dài của cộng đồng ngư dân (Từ ngày 01/01/2025 đến nay, các lực lượng chức năng tỉnh đã xử phạt 35 trường hợp VPHC trong lĩnh vực thủy sản, trong đó: có 18 trường hợp xử phạt VPHC liên quan đến thiết bị giám sát hành trình, 17 trường hợp xử phạt các lỗi vi phạm hành chính khác: Không viết sổ đăng ký tàu cá theo quy định; không đăng ký tàu cá; sử dụng công cụ kích điện để khai thác thủy sản; khai thác thủy sản sai vùng; không bố trí đủ định biên an toàn tàu cá theo quy định; không thực hiện đăng ký, sang tên chủ tàu cá).

- Đánh giá để xác định các nghề khai thác thủy sản có nguy cơ cao gây ảnh hưởng tới nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái trên các vùng biển (Theo Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 10/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản và môi trường sinh thái):

Cần chuyển đổi nghề cho ngư dân hoạt động với nghề lưới kéo khai thác vùng khơi và nghề lưới rê thu ngư khai thác vùng khơi là nghề khai thác hải sản ảnh hưởng lớn đến nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái môi trường và ngư dân đánh bắt hải sản vùng ven bờ chuyển đổi phù hợp với trình độ, khả năng kinh phí để thực hiện có hiệu quả như: nuôi trồng thủy sản, du lịch cộng đồng, chế biến – thương mại, nghề phi nông nghiệp.

Hiện nay, tổng số tàu cá hoạt động ven bờ: 1293 tàu chiếm 50,59% tổng số tàu cá trên địa bàn tỉnh (trong đó có 1273 tàu cá hoạt động khai thác và 20 tàu cá hậu cần); tổng số tàu cá hoạt động vùng khơi nghề lưới kéo và lưới rê: 92 tàu chiếm 13,35% tổng số tàu cá hoạt động vùng khơi trên địa bàn tỉnh.

2. Thực trạng đánh giá lao động trong khai thác thủy sản, số lao động cần chuyển đổi nghề; phân theo nhóm tuổi, học vấn của lao động cần chuyển đổi nghề phù hợp với năng lực và nguyện vọng của các tổ chức, cá nhân

Nhìn chung, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, lực lượng lao động trong lĩnh vực khai thác thủy sản đang có xu hướng già hóa. Lao động khai thác thủy sản thu nhập bấp bênh, công việc nặng nhọc, điều kiện làm việc khắc nghiệt.

Tổng số lượng lao động trên các tàu cá khai thác vùng biển ven bờ và tàu cá hoạt động vùng khơi nghề lưới kéo và lưới rê khoảng 2.914 lao động, có trình độ văn hóa còn hạn chế, hoạt động khai thác theo kiểu truyền thống dẫn đến năng suất lao động chưa cao.

3. Đánh giá tác động ảnh hưởng đến chuyển đổi nghề, sinh kế, an sinh xã hội và nguồn lợi thủy sản; xác định nhu cầu chuyển đổi nghề theo nhóm nghề, vùng biển, nhóm tàu phù hợp với thực tế và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân

Việc thực hiện Dự án nhằm hướng tới hiệu quả:

a) Hiệu quả về kinh tế

- Tạo điều kiện để ngư dân phát triển các ngành kinh tế khác, ổn định và nâng cao thu nhập một cách bền vững.

- Góp phần nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Giảm áp lực khai thác vùng biển ven bờ, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh.

b) Hiệu quả về xã hội

- Góp phần tạo việc làm mới, giúp người lao động chuyển đổi nghề phù hợp với nhu cầu thị trường, đảm bảo sinh kế và ổn định đời sống nhân dân, giữ vững trật tự, an sinh xã hội tại địa phương.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và ứng dụng tiên bộ khoa học – công nghệ, góp phần tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

c) Hiệu quả về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

Chính sách chuyển đổi nghề góp phần hạn chế hoạt động khai thác mang tính hủy diệt, phục hồi và duy trì cân bằng hệ sinh thái biển, nâng cao trữ lượng và đa dạng sinh học thủy sản; đồng thời bảo tồn các loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế cao.

PHẦN III. ĐỀ XUẤT CÁC NGÀNH NGHỀ CẦN CHUYỂN ĐỔI

1. Căn cứ tình hình thực tế, đánh giá các nghề khai thác có nguy cơ cao ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái biển, đề xuất định hướng chuyển đổi nghề theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường.

- Ngành, nghề trong lĩnh vực nông nghiệp – thủy sản: Nuôi trồng thủy sản (nuôi vùng biển xa); Dịch vụ hậu cần nghề cá, cung ứng vật tư – thiết bị nghề cá; Chế biến và bảo quản sản phẩm thủy sản.

- Ngành, nghề trong lĩnh vực dịch vụ – du lịch: Du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái gắn với hoạt động bảo tồn và khai thác hợp lý nguồn lợi biển; Dịch vụ ăn uống, lưu trú, vận tải khách du lịch ven biển; Các hoạt động trải nghiệm, giới thiệu văn hóa làng chài truyền thống.

- Ngành, nghề phi nông nghiệp khác: Thương mại, buôn bán nhỏ, dịch vụ logistics và vận chuyển hàng hóa; Lao động tại các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế ven biển phù hợp với tay nghề của ngư dân.

2. Giải pháp thực hiện hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lựa chọn nghề cần chuyển đổi phù hợp với trình độ, khả năng kinh phí để thực hiện có hiệu quả như: nuôi trồng thủy sản, du lịch cộng đồng, chế biến – thương mại, nghề phi nông nghiệp

- Xác định nhu cầu lao động thực tế của các doanh nghiệp và ngành kinh tế trong tỉnh, đảm bảo công tác đào tạo nghề gắn với thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Rà soát, thống kê, lập danh sách ngư dân có nhu cầu học nghề, trên cơ sở đó tổ chức đào tạo phù hợp với nguyện vọng, năng lực và điều kiện thực tế, hướng tới việc làm ổn định và thu nhập bền vững cho người lao động.

- Xây dựng danh mục nghề đào tạo cụ thể theo từng địa bàn, ngành nghề, giới tính, độ tuổi và trình độ của người học; chỉ tổ chức đào tạo nghề khi đã xác định được nhu cầu tuyển dụng, nơi làm việc và thu nhập sau đào tạo. Ưu tiên đào tạo các nghề có hiệu quả kinh tế, phù hợp với điều kiện của đa số ngư dân.

- Tạo điều kiện cho ngư dân tiếp cận chính sách tín dụng ưu đãi trong phát triển nông nghiệp, nông thôn và các ngành nghề phi nông nghiệp. Lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ của Đề án với các chương trình, chính sách đang triển khai như: xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế biển, khuyến nông - khuyến ngư nhằm hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho ngư dân.

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến ngư; hướng dẫn lựa chọn đối tượng cây trồng, vật nuôi phù hợp từng vùng nuôi trồng và định hướng phát triển kinh tế thủy sản của tỉnh.

- Triển khai hiệu quả công tác quản lý, sử dụng diện tích mặt nước, bãi bồi; hướng dẫn ngư dân thuê, sử dụng diện tích hợp pháp để chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản theo quy định.

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, tham quan học tập các mô hình sản xuất hiệu quả; hỗ trợ giống, thức ăn, kỹ thuật cho ngư dân chuyển đổi nghề từ khai thác sang nuôi trồng.

- Hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi, khuyến khích ngư dân liên kết sản xuất theo mô hình hợp tác xã hoặc tổ hợp tác để đủ điều kiện pháp lý vay vốn phát triển sản xuất.

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN VÀ NỘI DUNG HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ

1. Tổ chức hỗ trợ đào tạo, tập huấn nghề mới; hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn cho tổ chức, cá nhân khi tham gia chuyển đổi nghề thay thế nghề khai thác thủy sản

- Mức hỗ trợ chi phí đào tạo:

+ Đối tượng thuộc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng chính phủ hoặc đối tượng thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của địa phương có nhu cầu học nghề: Mức tối đa 2,5 triệu đồng/người/khóa học.

Dự kiến chi phí hỗ trợ: (92 tàu x 4 thuyền viên/tàu) + (1.273 tàu x 2 thuyền viên/tàu) lao động x 2,5 triệu đồng/người/khóa học = 7.285 triệu đồng.

- Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại:

+ Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học.

Dự kiến chi phí hỗ trợ: (92 tàu x 4 thuyền viên/tàu) + (1.273 tàu x 2 thuyền viên/tàu) lao động x (30.000 x 59) đồng/người/khóa học = 5.157,78 triệu đồng

+ Mức hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

Dự kiến chi phí hỗ trợ: (92 tàu x 4 thuyền viên/tàu) + (1.273 tàu x 2 thuyền viên/tàu) lao động x 200.000 đồng/người/khóa học = 582,8 triệu đồng

Tổng hỗ trợ chính sách đào tạo nghề: 13.026 triệu đồng

2. Hỗ trợ đầu tư ban đầu như trang thiết bị, vật tư, cơ sở hạ tầng, giống nuôi,... để người dân yên tâm với nghề mới chuyển đổi

Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản. Trong đó, khoản 4 Điều 3 quy định ngân sách Trung ương đầu tư 100% kinh phí xây dựng hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên biển bao gồm hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh giới khu vực nuôi, hệ thống neo lồng bè.

3. Hỗ trợ giải bản ngư cụ, trang thiết bị, an sinh xã hội (ổn định đời sống, bảo hiểm xã hội, việc làm).

3.1. Phạm vi áp dụng

- Các hộ ngư dân thường trú tại tỉnh Đắk Lắk đang hành nghề khai thác thủy sản có phương tiện sử dụng hành nghề khai thác thủy sản đúng quy định của pháp luật (đã được đăng ký, đăng kiểm, có giấy phép khai thác thủy sản).

- Không áp dụng chuyển đổi nghề cho chủ phương tiện, ngư cụ của ngư dân ngoài địa phương đang hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh.

3.2. Đối tượng áp dụng

Hộ gia đình, cá nhân, chủ phương tiện là người thường trú trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đang hoạt động khai thác đánh bắt thủy sản trước khi Dự án này ban hành.

Nguyên tắc hỗ trợ: Hỗ trợ một lần, tính theo giá trị ngư cụ trung bình thực tế tại địa phương; Ưu tiên hỗ trợ cho các hộ hành nghề lâu năm, hộ nghèo, cận nghèo.

Mức hỗ trợ cho hộ dân hoạt động khai thác thủy sản, cụ thể:

- Hỗ trợ bằng 70% giá trị ngư cụ khai thác.

- Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương trong thời gian 12 tháng.

* Dự trù kinh phí thực hiện hỗ trợ chuyển đổi nghề ngư dân hoạt động khai thác vùng ven bờ:

- Dự kiến chuyển đổi nghề Câu: $(360 \text{ tàu} \times 163 \text{ triệu đồng}) \times 70\% = 41.076 \text{ triệu đồng}$.

- Dự kiến chuyển đổi nghề Lưới rê: $(131 \text{ tàu} \times 243,5 \text{ triệu đồng}) \times 70\% = 22.328,95 \text{ triệu đồng}$

- Dự kiến chuyển đổi nghề Lưới vây: $(133 \text{ tàu} \times 565 \text{ triệu đồng}) \times 70\% = 52.601,5 \text{ triệu đồng}$.

- Dự kiến chuyển đổi nghề Mành: $(624 \text{ tàu} \times 370 \text{ triệu đồng}) \times 70\% = 161.616 \text{ triệu đồng}$

- Dự kiến chuyển đổi nghề Pha xúc: $(6 \text{ tàu} \times 207,5 \text{ triệu đồng}) \times 70\% = 871,5 \text{ triệu đồng}$

- Dự kiến chuyển đổi nghề Lồng bẫy: $(19 \text{ tàu} \times 353,4 \text{ triệu đồng}) \times 70\% = 4.700,22 \text{ triệu đồng}$.

* Dự trù kinh phí thực hiện hỗ trợ chuyển đổi nghề ngư dân hoạt động khai thác vùng khơi nghề lưới kéo và lưới rê thu ngư:

- Dự kiến chuyển đổi nghề Lưới kéo: $(17 \text{ tàu} \times 4.774,9 \text{ triệu đồng}) \times 70\% = 56.821,31 \text{ triệu đồng}$

- Dự kiến chuyển đổi nghề Lưới rê thu ngư: $(75 \text{ tàu} \times 3.800,2 \text{ triệu đồng}) \times 70\% = 199.510,5 \text{ triệu đồng}$

* Dự kiến tổng hỗ trợ cho nhân khẩu trong hộ gia đình chủ phương tiện khai thác: $(92+1273) \text{ tàu} \times 4 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} \times (15.000 \text{ đồng/kg gạo} \times 30 \text{ kg gạo}) = 29.484 \text{ triệu đồng}$.

Tổng kinh phí dự trù thực hiện hỗ trợ an sinh xã hội: 569.009,98 triệu đồng.

4. Hỗ trợ tín dụng (nguồn vốn vay ưu đãi, quỹ hỗ trợ ngư dân...) để người dân giảm bớt khó khăn trong thời gian điều chuyển đổi nghề:

Áp dụng những chính sách có sẵn về hỗ trợ nguồn vốn vay phát triển sản xuất Các hộ gia đình vùng khó khăn được vay tối đa là 100 triệu đồng/người với lãi suất là 9%/năm (Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg ngày 05/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn).

5. Xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị (từ người dân, doanh nghiệp, nhà khoa học và nhà quản lý).

Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

PHẦN V. KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tổng kinh phí dự kiến cần thực hiện Dự án: 727.544,45 triệu đồng (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này*)

2. Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, nguồn kinh phí lồng ghép từ chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

3. Phân kỳ kinh phí:

- Giai đoạn 2025-2026: Điều tra, rà soát, khảo sát, thống kê số lượng nhu cầu chuyển đổi nghề, đào tạo nghề của ngư dân; kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề 10%. Dự kiến là 58.203,56 triệu đồng.

- Giai đoạn 2026-2030:

+ Triển khai các chính sách hiện hành hỗ trợ chủ phương tiện và ngư dân trong chuyển đổi nghề: 582.035,56 triệu đồng.

+ Dự phòng, phát sinh, điều chỉnh giá, trượt giá (10-15%). Dự kiến là 87.305,33 triệu đồng.

PHẦN VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Cơ quan chủ trì, phối hợp, đơn vị thực hiện.

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chính sách hỗ trợ trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua để thực hiện hỗ trợ ngư dân chuyển đổi nghề khai thác trên địa bàn tỉnh nhằm góp phần ổn định đời sống, an sinh xã hội và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Dự án sau khi được phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung và tiến độ.

- Chủ trì công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm các hành vi khai thác trái phép; đồng thời nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh cơ cấu nghề khai thác phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng phát triển của tỉnh.

- Phối hợp với Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức tuần tra, kiểm tra thường xuyên, xử lý nghiêm các phương tiện sử dụng nghề cấm, không có giấy phép hoặc khai thác sai vùng, sai quy định.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường hướng dẫn, xây dựng, nhân rộng và phát triển mô hình đồng quản lý nghề cá trên địa bàn tỉnh nhằm giúp ngư dân và chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác thủy sản, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản ngày càng bền vững.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp, nông thôn, chuyển giao khoa học – kỹ thuật mới cho ngư dân có nhu cầu chuyển đổi nghề, tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập.

- Phối hợp Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện Dự án và Chính sách hỗ trợ khi được ban hành.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã và các tổ chức chính trị – xã hội khảo sát nhu cầu học nghề, nhu cầu chuyển đổi nghề của lao động trong các hộ ngư dân. Trên cơ sở đó, hướng dẫn xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghề phù hợp thực tiễn từng địa phương.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các Trung tâm GDNN-GDTX xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn (dưới 03 tháng và sơ cấp) về các nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp, công nghiệp – dịch vụ, chuyển giao khoa học kỹ thuật mới... đáp ứng nhu cầu chuyển đổi nghề và tạo việc làm bền vững cho lao động.

- Phối hợp UBND cấp xã và các sở, ngành liên quan trong công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm, hỗ trợ người dân tiếp cận các chương trình đào tạo; ưu tiên bố trí lớp học nghề gắn với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp; Tổ chức tư vấn hướng nghiệp, việc làm sau đào tạo; hỗ trợ kết nối người học với các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn nhằm đảm bảo đầu ra sau học nghề và tạo sinh kế bền vững cho người dân.

- Nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh ban hành hoặc điều chỉnh các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho đối tượng chuyển đổi nghề, gồm: hỗ trợ tiền học, hỗ trợ tiền ăn, đi lại, hỗ trợ công cụ đào tạo,... phù hợp điều kiện thực tế và theo quy định của pháp luật.

- Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc tổ chức đào tạo nghề tại các địa phương; tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đào tạo và báo cáo UBND tỉnh, đồng thời đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển đổi nghề trong khai thác thủy sản.

3. Sở Tài chính

- Sau khi Dự án được phê duyệt, trên cơ sở dự toán kinh phí của các cơ quan, đơn vị, địa phương trình cấp thẩm quyền phân bổ, bố trí nguồn vốn thực hiện Dự án này theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và khả năng cân đối ngân sách.

- Phối hợp giám sát, kiểm tra đánh giá về kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn thực hiện Dự án.

4. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh

- Tăng cường tuần tra, kiểm soát phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, bảo tồn biển, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản theo chức năng, thẩm quyền.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho cộng đồng ngư dân.

5. Công an tỉnh

- Chỉ đạo Công an các đơn vị, Công an cấp xã phối hợp với các ngành, chính quyền các cấp tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về khai thác, bảo

vệ nguồn lợi và môi trường thủy sản; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và chính quyền cấp xã kiểm soát và xử lý các hành vi vi phạm về khai thác, bảo vệ nguồn lợi và môi trường sống các loài thủy sản.

- Chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ, Công an các xã, phường tăng cường công tác nắm tình hình, kịp thời phát hiện, điều tra xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là vận chuyển, mua bán trái phép các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm và sử dụng các ngư cụ cấm, chất nổ, chất độc, xung điện để khai thác nguồn lợi thủy sản.

- Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân xã, phường trong việc rà soát và xác minh các vấn đề về nơi cư trú và các giấy tờ tùy thân khác cho những ngư dân sinh sống tại địa phương.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất, xây dựng chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật phục vụ cho việc bảo vệ, bảo tồn, tái tạo và phát triển các loài thủy sản bản địa quý hiếm có nguy cơ suy giảm nghiêm trọng nói riêng và bảo vệ, bảo tồn, tái tạo và phát triển các loài thủy sản và nguồn lợi thủy sản nói chung.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Định hướng các cơ quan báo chí, truyền thông; Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản với thời lượng, tần suất, đối tượng, địa bàn phù hợp.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Địa phương phải đảm bảo kinh phí để triển khai Dự án; Xây dựng kế hoạch áp dụng chính sách hiện hành để hỗ trợ các đối tượng chuyển đổi nghề theo quy định pháp luật.

- Chủ trì công tác tiếp nhận, rà soát, thẩm định hồ sơ hỗ trợ, đảm bảo trình UBND tỉnh phê duyệt kịp thời, đúng quy định; đồng thời tăng cường tuyên truyền và phổ biến chính sách hỗ trợ trên địa bàn quản lý sau khi chính sách được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

- Tăng cường tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho ngư dân.

- Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội địa phương, đề xuất phương án, định hướng nghề phù hợp cho ngư dân.

- Kêu gọi các doanh nghiệp, hợp tác xã hiện có trên địa bàn huyện tạo điều kiện sẵn sàng tiếp nhận các lao động từ các hộ ngư dân.

- Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ tổ chức rà soát, thống kê hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu tham gia đào tạo nghề hằng năm; tổ chức các lớp đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu người dân; thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ học nghề cho ngư dân có nhu cầu đăng ký học nghề nông nghiệp để đổi ngành nghề phù hợp điều kiện và tình hình sản xuất của địa phương.

- Hỗ trợ, hướng dẫn thủ tục, phương án hỗ trợ lãi xuất cho các ngư dân vay vốn để chuyển đổi nghề theo đúng quy định.

- Triển khai mô hình đồng quản lý nghề cá trên địa bàn xã, phường, nhằm giúp ngư dân và chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác thủy sản, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản ngày càng bền vững.

- Xác nhận phương tiện, ngư cụ đang hoạt động khai thác thủy sản của ngư dân tại địa phương để làm cơ sở hỗ trợ chuyển đổi nghề cho ngư dân trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm về đánh bắt, khai thác thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn. Đặc biệt, xử lý nghiêm các trường hợp khai thác thủy sản bằng các hình thức hủy diệt (chất nổ, xung điện, kích điện...) làm ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản trên địa bàn

- Thực hiện báo cáo định kỳ kết quả thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (thông qua Chi cục Thủy sản và Biển đảo) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp liên quan khác

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường vận động tuyên truyền các hội viên, đoàn viên thực hiện tốt chủ trương chuyển đổi các nghề khai thác.

II. Tiến độ thực hiện theo giai đoạn

1. Giai đoạn 2025-2026

- Ban hành chính sách hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi nghề cho ngư dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành.

- Tiếp tục rà soát, thống kê số lượng nhu cầu chuyển đổi nghề, đào tạo nghề của ngư dân.

Kết quả thực hiện: Triển khai các chính sách hiện hành hỗ trợ chủ phương tiện và ngư dân trong chuyển đổi nghề, gắn kết với Kế hoạch đào tạo nghề và giải quyết việc làm giai đoạn 2025–2026. Thực hiện các chính sách mới về chuyển đổi ngành nghề đối với các hộ khai thác thủy sản lạm sát nguồn lợi, theo quy định của Trung ương và tỉnh (nếu có), đảm bảo hiệu quả kinh tế, xã hội và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

2. Giai đoạn 2027-2030

- Triển khai thực hiện các chính sách hiện hành hỗ trợ chủ phương tiện, ngư dân chuyển đổi nghề, gắn với Kế hoạch đào tạo nghề, giải quyết việc làm do Trung ương, tỉnh ban hành (nếu có).

- Tăng cường công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn: tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát xử lý vi phạm hành chính đối với hoạt động khai thác thủy sản trên các thủy vực.

- Thực hiện xử phạt, cưỡng chế đối với những trường hợp ngư dân trong địa phương tái hoạt động, không chấp hành chuyển đổi nghề vẫn còn hoạt động nghề,

ngư cụ khai thác ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản và môi trường sinh thái trên địa bàn tỉnh.

Kết quả thực hiện: Các hộ ngư dân hoạt động nghề khai thác ven bờ, nghề lưới kéo và lưới rê vùng khơi được chuyển đổi sang nghề phù hợp, có việc làm ổn định và đảm bảo sinh kế bền vững. Trên địa bàn tỉnh, việc khai thác bằng ngư cụ có nguy cơ tác động tiêu cực đến nguồn lợi thủy sản được loại bỏ, góp phần bảo vệ, duy trì và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản.

PHẦN VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Đánh giá những kết quả đạt được của dự án (về số tàu cá, lao động, nguồn lợi thủy sản, an sinh xã hội ...)

Sau khi triển khai Dự án “Chuyển đổi nghề trong khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”, tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực, thể hiện trên các phương diện:

1. Về số lượng tàu cá và hoạt động khai thác thủy sản

- Tổng số tàu cá hoạt động khai thác giảm rõ rệt so với trước khi triển khai Dự án. Chấm dứt nghề khai thác thủy sản ven bờ ảnh hưởng nguồn lợi môi trường sinh thái biển (chuyển đổi 100% là 1.273 tàu cá); tàu sử dụng nghề lưới kéo và lưới rê (chuyển đổi 100% là 92 tàu cá) gây ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản đã được rà soát, loại bỏ hoặc chuyển đổi sang nghề thân thiện với môi trường.

- Với cường độ khai thác lớn và số lượng tàu cá lớn, phân bố rộng rãi trên địa bàn ven biển, gây khó khăn trong công tác quản lý, nếu không thực hiện chuyển đổi nghề cho ngư dân khai thác thủy sản ảnh hưởng lớn đến nguồn lợi thủy sản, môi trường, hệ sinh thái sang các nghề khai thác hải sản thân thiện môi trường hoặc chuyển ra ngoài lĩnh vực khai thác thì sẽ không có thời gian để nguồn lợi thủy sản phát triển theo tự nhiên, khả năng phục hồi tái tạo rất khó dẫn đến cạn kiệt nguồn lợi thủy sản.

2. Về lao động và việc làm

- Khoảng 3.000 lao động khai thác thủy sản đã được tư vấn, đào tạo và hỗ trợ chuyển đổi sang các nghề mới như: nuôi trồng thủy sản, dịch vụ – du lịch cộng đồng, chế biến, thương mại, các nghề phi nông nghiệp tại khu – cụm công nghiệp.

- Nhiều mô hình liên kết sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã nuôi trồng thủy sản được hình thành, giúp ngư dân ổn định sinh kế và có việc làm lâu dài.

- Tỷ lệ lao động thất nghiệp trong nhóm ngư dân giảm mạnh; đời sống kinh tế và tinh thần được cải thiện đáng kể.

3. Về nguồn lợi thủy sản và môi trường sinh thái

- Áp lực khai thác trên các thủy vực giảm, góp phần tái tạo và phục hồi trữ lượng nguồn lợi thủy sản tự nhiên, duy trì đa dạng sinh học.

- Các khu vực ven bờ được cải thiện rõ rệt về chất lượng môi trường nước, giảm thiểu ô nhiễm và hủy hoại sinh cảnh sống của thủy sinh vật.

- Nhiều loài thủy sản bản địa, quý hiếm có xu hướng phục hồi, thể hiện hiệu quả tích cực trong công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi.

4. Về an sinh xã hội và phát triển cộng đồng

- Dự án đã góp phần bảo đảm an sinh xã hội, ổn định đời sống người dân vùng ven bờ; ngư dân chuyển đổi nghề có thu nhập ổn định, từng bước thoát nghèo bền vững. Hỗ trợ được khoảng 5.460 nhân khẩu trong hộ.

- Tăng cường năng lực quản lý Nhà nước, nâng cao ý thức cộng đồng trong việc chấp hành pháp luật về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Cơ cấu lao động địa phương được điều chỉnh theo hướng bền vững, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

- Trật tự xã hội vùng ven biển, ven hồ được củng cố, giảm tình trạng vi phạm trong khai thác và xung đột lợi ích nghề cá.

5. Về hiệu quả kinh tế – xã hội tổng hợp

- Dự án tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp – thủy sản gắn với bảo tồn tài nguyên, tạo việc làm mới và thu hút doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực chế biến, dịch vụ, du lịch sinh thái.

- Hiệu quả quản lý nguồn lợi thủy sản được nâng cao, góp phần thực hiện thành công mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030.

II. Kiến nghị các Bộ, ngành có liên quan để hỗ trợ kinh phí, kỹ thuật và chính sách để thực hiện dự án chuyển đổi nghề hiệu quả và bền vững

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Hỗ trợ kinh phí cho tỉnh để triển khai thực hiện dự án chuyển đổi nghề trong khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Hỗ trợ kỹ thuật trong việc chuyển đổi nghề khai thác, phát triển nuôi trồng thủy sản thay thế.

- Hướng dẫn áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ thân thiện với môi trường.

- Ban hành cơ chế ưu tiên hỗ trợ đào tạo, tập huấn cho ngư dân.

2. Bộ Tài chính

- Hỗ trợ kinh phí cho tỉnh để triển khai thực hiện dự án chuyển đổi nghề trong khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí hiệu quả, minh bạch, ưu tiên hỗ trợ các hộ nghèo, hộ yếu thế trong nghề khai thác.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ

Hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, mô hình nuôi trồng thủy sản vùng biển xa bền vững.

4. Bộ Nội vụ

- Hỗ trợ đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng cho ngư dân chuyển đổi ngành nghề.

- Hướng dẫn giải quyết việc làm, đảm bảo sinh kế ổn định cho lao động chuyển đổi nghề.
